

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 26





## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

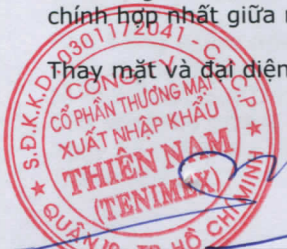
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017



Số: 136 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.148.538.489.644</b>	<b>1.109.242.645.380</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.003.587.224</b>	<b>36.527.133.432</b>
1. Tiền	111		19.453.587.224	17.589.133.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.550.000.000	18.938.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>174.664.599.438</b>	<b>231.618.508.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	158.951.444.184	213.337.922.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	14.575.093.705	14.291.704.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.138.061.549	3.988.881.995
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>925.730.769.017</b>	<b>839.360.073.990</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	925.730.769.017	839.360.073.990
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.139.533.965</b>	<b>1.736.929.019</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.009.849	3.352.269
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.862.129.299	1.623.632.390
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	261.394.817	109.944.360
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>265.509.695.563</b>	<b>254.713.363.586</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.005.000.000</b>	<b>85.005.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	100.005.000.000	85.005.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.278.704.073</b>	<b>48.405.752.088</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.253.942.260	21.490.990.276
- Nguyên giá	222		40.035.240.779	40.995.194.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.781.298.519)	(19.504.204.416)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	27.024.761.813	26.914.761.812
- Nguyên giá	228		28.226.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.201.706.604)	(1.191.706.605)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>88.493.727.806</b>	<b>90.613.023.320</b>
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.708.597.216)	(15.589.301.702)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>30.329.325.454</b>	<b>30.329.325.454</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	30.329.325.454	30.329.325.454
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>402.938.230</b>	<b>360.262.724</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		398.296.880	301.362.794
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.641.350	58.899.930
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.414.048.185.207</b>	<b>1.363.956.008.966</b>

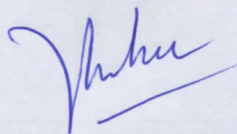
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



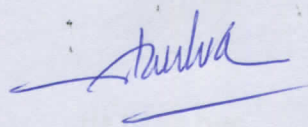
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.026.936.964.679</b>	<b>987.227.950.445</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>961.404.804.679</b>	<b>918.325.590.445</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	78.033.418.009	194.129.932.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.906.550.784	19.959.685.239
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	5.810.870.634	5.344.217.161
4. Phải trả người lao động	314		12.901.094.592	24.866.352.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.352.849.378	2.200.449.316
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	368.408.650	314.365.500
7. Vay ngắn hạn	320	16	821.522.095.857	666.319.713.911
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	24.509.516.775	5.190.873.707
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.532.160.000</b>	<b>68.902.360.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	43.032.160.000	42.902.360.000
2. Vay dài hạn	338	18	22.500.000.000	26.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>387.111.220.528</b>	<b>376.728.058.521</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>387.111.220.528</b>	<b>376.728.058.521</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.921.670.000	101.047.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.921.670.000	101.047.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.264.443.637	34.138.343.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		138.406.451.714	99.444.570.161
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.071.592.406	150.135.986.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		64.175.426.031	57.679.247.632
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này/năm nay	421b		57.896.166.375	92.456.739.273
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	20	3.425.588.071	3.939.913.118
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.414.048.185.207</b>	<b>1.363.956.008.966</b>



Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.110.356.428.023</b>	<b>1.680.789.493.019</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.540.526.705	2.492.637.855
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>2.107.815.901.318</b>	<b>1.678.296.855.164</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.965.086.524.538	1.552.662.921.808
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>142.729.376.780</b>	<b>125.633.933.356</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	875.509.852	1.084.795.533
7. Chi phí tài chính	22	27	26.727.966.794	20.986.118.550
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.632.989.441	20.977.127.390
8. Chi phí bán hàng	25	28	16.412.702.486	15.940.567.039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	27.213.195.910	24.353.887.210
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>73.251.021.442</b>	<b>65.438.156.090</b>
11. Thu nhập khác	31		787.716.698	2.019.785.768
12. Chi phí khác	32		290.460.015	167.343.788
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>497.256.683</b>	<b>1.852.441.980</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>73.748.278.125</b>	<b>67.290.598.070</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	14.555.899.040	13.457.601.732
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		54.258.580	255.309.552
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>59.138.120.505</b>	<b>53.577.686.786</b>
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		57.896.166.375	52.795.749.792
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	20	1.241.954.130	781.936.994
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>4.018</b>	<b>2.895</b>

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

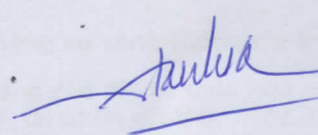




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>73.748.278.125</b>	<b>67.290.598.070</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.310.346.219	4.808.216.797
Các khoản dự phòng	03	-	1.321.381.408
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(80.603.432)	(96.637.766)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(887.888.501)	(810.329.256)
Chi phí lãi vay	06	26.632.989.441	20.977.127.390
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>103.723.121.852</b>	<b>93.490.356.643</b>
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	23.973.337.329	(35.658.297.838)
Tăng hàng tồn kho	10	(86.370.695.027)	(95.226.415.854)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(89.785.485.006)	56.103.238.277
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(109.591.666)	28.470.135
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.768.063.948)	(21.212.650.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.518.665.275)	(12.603.568.190)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	222.370.000	14.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.639.215.253)	(5.014.074.695)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(105.272.886.994)</b>	<b>(20.078.442.488)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.468.081.600)	(8.701.420.314)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	545.454.546	363.636.364
3. Tiền thu tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.485.688.071	418.858.067
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.436.938.983)</b>	<b>(7.918.925.883)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.941.755.790.845	1.413.450.954.193
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.790.053.408.899)	(1.347.714.478.121)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.516.102.177)	(14.509.025.192)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>140.186.279.769</b>	<b>51.227.450.880</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.523.546.208)</b>	<b>23.230.082.509</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>36.527.133.432</b>	<b>56.183.204.913</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>33.003.587.224</b>	<b>79.413.287.422</b>

  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

  
Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng

  
  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 8 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty mẹ, một Công ty con và một Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận sửa đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 7 năm 2017, vốn cổ phần của Công ty là 125.921.670.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty mẹ đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Hoạt động kinh doanh chính Công ty mẹ là: Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Công ty con

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306489067, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: Bán buôn đường sữa và các sản phẩm từ sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001265436, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 chưa đi vào hoạt động kinh doanh và Công ty chưa tiến hành góp vốn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 99 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 94 người).

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động kế toán.

### **Thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ và phân chia cổ tức**

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	758.416.972	2.092.291.780
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.695.170.252	15.496.841.652
Các khoản tương đương tiền	13.550.000.000	18.938.000.000
	<b>33.003.587.224</b>	<b>36.527.133.432</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,3%/năm đến 5%/năm).



**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	77.541.064.597	107.202.055.731
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh Bà Lê Ngọc Đào	69.460.422.454	14.780.478.564
	-	58.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.949.957.133	33.355.388.649
	<b>158.951.444.184</b>	<b>213.337.922.944</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 16).

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản trả trước ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu người lao động	914.664.739	120.745.950
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	3.352.334.248
- Phải thu khác	123.396.810	515.801.797
	<b>1.138.061.549</b>	<b>3.988.881.995</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	100.000.000.000	50.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào	-	35.000.000.000
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	<b>100.005.000.000</b>	<b>85.005.000.000</b>

(\*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hàng mua đang đi đường	95.985.230.172	127.743.915.993
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.794.705	233.058.648.615
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	87.160.272	151.268.014
Hàng hóa	596.599.583.868	478.406.241.368
	<b>925.730.769.017</b>	<b>839.360.073.990</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng một phần hàng tồn kho để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 16).





**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	75.399.040	10.601.011.953	(10.638.175.457)	38.235.536
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(10.960.576)	46.802.087.198	(46.791.126.622)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(98.983.784)	627.855.242	(790.266.275)	(261.394.817)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	23.343.099	(23.343.099)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.596.928.044	14.555.899.040	(12.518.665.275)	5.634.161.809
Thuế thu nhập cá nhân	1.671.890.077	8.835.714.602	(10.369.131.390)	138.473.289
Tiền thuế đất	-	2.751.618.000	(2.751.618.000)	-
Thuế tự vệ	-	1.402.083.355	(1.402.083.355)	-
Các loại thuế khác	-	6.516.250	(6.516.250)	-
	<b>5.234.272.801</b>	<b>85.606.128.739</b>	<b>(85.290.925.723)</b>	<b>5.549.475.817</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	109.944.360			261.394.817
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	5.344.217.161			5.810.870.634



10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu kỳ	11.498.803.834	17.819.415.524	11.521.958.448	124.951.636	30.065.250	40.995.194.692
Thanh lý	-	-	(959.953.913)	-	-	(959.953.913)
Số cuối kỳ	11.498.803.834	17.819.415.524	10.562.004.535	124.951.636	30.065.250	40.035.240.779
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu kỳ	5.241.546.295	8.723.473.173	5.412.751.473	96.368.225	30.065.250	19.504.204.416
Khấu hao trong năm	416.659.212	987.202.242	771.656.982	5.532.270	-	2.181.050.706
Thanh lý	-	-	(903.956.603)	-	-	(903.956.603)
Số cuối kỳ	5.658.205.507	9.710.675.415	5.280.451.852	101.900.495	30.065.250	20.781.298.519
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<b>6.257.257.539</b>	<b>9.095.942.351</b>	<b>6.109.206.975</b>	<b>28.583.411</b>	-	<b>21.490.990.276</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>5.840.598.327</b>	<b>8.108.740.109</b>	<b>5.281.552.683</b>	<b>23.051.141</b>	-	<b>19.253.942.260</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thể chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 5.123.172.797 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.263.869.221 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 6.759.198.241 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.759.198.241 đồng).



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
Tăng trong kỳ	-	-	120.000.000	120.000.000
Số dư cuối kỳ	25.255.147.500	2.620.320.917	351.000.000	28.226.468.417
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
Khấu hao trong kỳ	-	-	9.999.999	9.999.999
Số dư cuối kỳ	-	960.706.605	240.999.999	1.201.706.604
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	<b>25.255.147.500</b>	<b>1.659.614.312</b>	<b>-</b>	<b>26.914.761.812</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>25.255.147.500</b>	<b>1.659.614.312</b>	<b>110.000.001</b>	<b>27.024.761.813</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 231.000.000 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ và Số dư cuối kỳ	106.202.325.022
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	15.589.301.702
Khấu hao trong kỳ	2.119.295.514
Số dư cuối kỳ	17.708.597.216
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	<b>90.613.023.320</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>88.493.727.806</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 18, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 17.807.357.417 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.341.220.041 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 237.548.984 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 237.548.984 đồng).



**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị quyền sử dụng đất mà Công ty đã chuyển nhượng trong tháng 11 năm 2016 với mục đích xây dựng cao ốc cho thuê trong tương lai. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 11 năm 2016.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Metal One Corporation	59.171.230.444	59.171.230.444	66.118.333.363	66.118.333.363
Smart Timing Steel Limited	14.211.818.284	14.211.818.284	1.672.288.456	1.672.288.456
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	-	43.348.081.600	43.348.081.600
Samsung C&T Corporation	-	-	73.186.208.633	73.186.208.633
Các nhà cung cấp khác	4.650.369.281	4.650.369.281	9.805.020.699	9.805.020.699
	<b>78.033.418.009</b>	<b>78.033.418.009</b>	<b>194.129.932.751</b>	<b>194.129.932.751</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	209.995.000	142.995.000
Các khoản khác	150.403.650	163.360.500
	<b>368.408.650</b>	<b>314.365.500</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	43.032.160.000	42.902.360.000

(\*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

**16. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Các khoản vay ngắn hạn	659.319.713.911	1.941.755.790.845	(1.786.553.408.899)	814.522.095.857
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	80.650.000.000	185.337.220.447	(166.350.000.000)	99.637.220.447
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	217.883.316.511	587.380.032.020	(582.636.144.661)	222.627.203.870
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	242.985.255.861	550.287.374.234	(584.530.912.819)	208.741.717.276
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	36.891.811.189	94.877.263.507	(91.659.382.556)	40.109.692.140
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	48.855.567.500	157.498.259.444	(151.853.826.944)	54.500.000.000
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	28.850.000.000	121.900.000.000	(95.850.000.000)	54.900.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.698.762.850	46.167.851.229	(1.698.762.850)	46.167.851.229
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	182.347.789.964	(94.509.379.069)	87.838.410.895
- Chi nhánh Bến Thành - Vay ngắn hạn khác	1.505.000.000	5.960.000.000	(7.465.000.000)	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	7.000.000.000	3.500.000.000	(3.500.000.000)	7.000.000.000
	<b>666.319.713.911</b>	<b>1.945.255.790.845</b>	<b>(1.790.053.408.899)</b>	<b>821.522.095.857</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở LC để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng giá trị các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 5, 8, 10, 11 và 12 hoặc không có tài sản bảo đảm.

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	5.811.730.332	(620.856.625)	5.190.873.707
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 19)	33.395.898.474	3.339.589.847	36.735.488.321
Tăng khác	222.370.000	2.150.000.000	2.372.370.000
Sử dụng quỹ	(15.878.957.177)	(3.910.258.076)	(19.789.215.253)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>23.551.041.629</b>	<b>958.475.146</b>	<b>24.509.516.775</b>

**18. VAY DÀI HẠN**

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	26.000.000.000	-	(3.500.000.000)	22.500.000.000
	<b>26.000.000.000</b>	-	<b>(3.500.000.000)</b>	<b>22.500.000.000</b>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	15.500.000.000	19.000.000.000
	<b>29.500.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn - Thuyết minh số 16)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>22.500.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty mẹ như sau:

Cổ phần	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.592.167	10.104.777
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>12.247.213</b>	<b>9.759.823</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

1125  
HI N  
CÔNG  
NHIE  
ELO  
IẾT  
TP. H



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
THUYẾT MINH BAO CAO TAI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	80.022.172.140	93.007.995.326	1.902.797.448	298.140.553.251
Tăng vốn trong kỳ	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	19.125.821.183	52.795.749.792	781.936.994	53.577.686.786
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(19.125.821.183)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.557.424.405)	-	(6.557.424.405)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.639.356.101)	-	(1.639.356.101)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(15.310.092.000)	(803.155.192)	(16.113.247.192)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(351.100.005)	-	(351.100.005)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>101.047.770.000</b>	<b>34.138.343.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>99.147.993.323</b>	<b>102.819.951.424</b>	<b>1.881.579.250</b>	<b>327.057.112.334</b>
Số dư đầu kỳ này	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	99.444.570.161	150.135.986.905	3.939.913.118	376.728.058.521
Tăng vốn trong kỳ (1)	24.873.900.000	(24.873.900.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	57.896.166.375	1.241.954.130	59.138.120.505
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	38.961.881.553	(38.961.881.553)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(33.395.898.474)	-	(33.395.898.474)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (2)	-	-	-	-	(3.339.589.847)	-	(3.339.589.847)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(9.759.823.000)	(1.756.279.177)	(11.516.102.177)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(503.368.000)	-	(503.368.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>125.921.670.000</b>	<b>9.264.443.637</b>	<b>(11.978.525.300)</b>	<b>138.406.451.714</b>	<b>122.071.592.406</b>	<b>3.425.588.071</b>	<b>387.111.220.528</b>

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 122:25, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó có 487.991 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng 12.592.167 cổ phần và 125.921.670.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 2655/UBCK-QLCB ngày 12 tháng 5 năm 2017.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã công bố chia cổ tức cuối năm 2016 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 với số tiền là 9.759.823.000 đồng cho cổ đông. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 11.516.102.177 đồng.



**20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam VND
<b>Số đầu kỳ</b>	
Vốn điều lệ của công ty con	4.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.800.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	1.200.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>30%</b>

<b>Số cuối kỳ</b>	
Vốn điều lệ của công ty con	4.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.800.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	1.200.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>30%</b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần như sau:

	Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam VND
<b>Số đầu kỳ</b>	
Tổng tài sản	39.083.305.435
Tổng nợ phải trả	(30.048.246.456)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>9.035.058.979</b>

*Chi tiết như sau:*

- Vốn điều lệ	4.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	3.278.779.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.756.279.177

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát 3.939.913.118**

*Chi tiết như sau:*

- Vốn điều lệ	1.200.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	983.633.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.756.279.177

<b>Số cuối kỳ</b>	
Tổng tài sản	16.456.794.647
Tổng nợ phải trả	(5.038.167.746)
<b>Tài sản thuần</b>	<b>11.418.626.901</b>

*Chi tiết như sau:*

- Vốn điều lệ	4.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	3.278.779.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.139.847.099

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát 3.425.588.071**

*Chi tiết như sau:*

- Vốn điều lệ	1.200.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	983.633.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.241.954.130





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ như sau:

Công ty TNHH  
 Công nghệ phẩm Thiên Nam  
VND

**Kỳ trước**

Lợi nhuận trong kỳ	3.909.684.971
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>781.936.994</u>

**Kỳ này**

Lợi nhuận trong kỳ	4.139.847.099
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>1.241.954.130</u>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Ngoại tệ</b>		
Đô la Mỹ - USD	<u>831,49</u>	<u>843,28</u>

**22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ (chiếm tỷ trọng khoảng 2,12% tổng doanh thu) cũng như các kỳ trước (chiếm tỷ trọng khoảng 2,15% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và các kỳ trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.669.590.554.774	1.245.840.978.166
- Doanh thu thành phẩm đã bán	395.997.963.328	398.745.227.090
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	16.981.218.175	16.537.513.929
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	25.267.500.000	17.402.916.666
- Doanh thu dịch vụ khác	2.519.191.746	2.262.857.168
	<u><b>2.110.356.428.023</b></u>	<u><b>1.680.789.493.019</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	2.165.285.994	2.082.328.596
- Chiết khấu thương mại	375.240.711	410.309.259
	<u><b>2.540.526.705</b></u>	<u><b>2.492.637.855</b></u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>2.107.815.901.318</b></u>	<u><b>1.678.296.855.164</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.580.784.930.362	1.161.671.363.155
Giá vốn của thành phẩm đã bán	378.603.044.936	382.071.714.766
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	5.698.549.240	5.964.630.730
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.574.777.047)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	4.529.990.204
	<b>1.965.086.524.538</b>	<b>1.552.662.921.808</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	372.575.508.364	375.315.353.594
Chi phí nhân công	28.134.309.317	26.031.185.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.310.346.219	4.808.216.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.412.725.852	17.124.830.260
Chi phí khác bằng tiền	6.494.602.820	5.051.213.898
	<b>427.927.492.572</b>	<b>428.330.799.745</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	398.431.265	446.692.892
Lãi chênh lệch tỷ giá	477.078.587	632.684.935
Lãi chậm thanh toán	-	5.417.706
	<b>875.509.852</b>	<b>1.084.795.533</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	26.632.989.441	20.977.127.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá	94.977.353	8.991.160
	<b>26.727.966.794</b>	<b>20.986.118.550</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.282.984.832	3.828.441.679
Chi phí vật liệu, bao bì	235.398.935	351.164.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.278.422	632.566.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.449.495.923	9.305.631.208
- Chi phí tiện ích	1.434.957.227	1.612.917.817
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	3.178.355.280	4.533.314.425
- Chi phí thuê kho, bảo trì	1.232.335.979	1.474.076.170
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	3.603.847.437	1.685.322.796
Chi phí khác bằng tiền	1.941.544.374	1.822.763.728
	<b>16.412.702.486</b>	<b>15.940.567.039</b>



**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.851.324.485	22.202.743.517
Chi phí vật liệu, bao bì	313.160.094	247.569.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	632.692.701	722.958.104
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.633.831.749)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.134.328	464.103.942
Chi phí khác bằng tiền	2.028.884.302	2.350.343.707
	<b>27.213.195.910</b>	<b>24.353.887.210</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	73.748.278.125	67.290.598.070
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được</i>		
<i>khấu trừ</i>	230.663.750	153.649.501
<i>Trừ: Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa</i>		
<i>thực hiện</i>	(271.292.901)	(156.238.912)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>73.707.648.974</b>	<b>67.288.008.659</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14.741.529.795</b>	<b>13.457.601.732</b>
<b>hiện hành</b>		
Điều chỉnh thuế các năm trước	(185.630.755)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14.555.899.040</b>	<b>13.457.601.732</b>
<b>hiện hành sau điều chỉnh</b>		

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**31. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	57.896.166.375	52.795.749.792
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*)	(8.684.424.956)	(17.344.170.134)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>49.211.741.419</b>	<b>35.451.579.658</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.247.213	12.247.213
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.018</b>	<b>2.895</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế kỳ hoạt động như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ trích hàng năm. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.



**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm/(tăng) 16.880.441.917 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 13.894.856.460 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 5. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối kỳ	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Từ 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.003.587.224	-	-	33.003.587.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	159.174.840.994	100.005.000.000	-	259.179.840.994
	<b>192.178.428.218</b>	<b>100.005.000.000</b>	-	<b>292.183.428.218</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	821.522.095.857	22.500.000.000	-	844.022.095.857
Phải trả người bán và phải trả khác	78.401.826.659	5.032.160.000	38.000.000.000	121.433.986.659
Chi phí phải trả	1.352.849.378	-	-	1.352.849.378
	<b>901.276.771.894</b>	<b>27.532.160.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>966.808.931.894</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(709.098.343.676)</b>	<b>72.472.840.000</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(674.625.503.676)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Số đầu kỳ	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.527.133.432	-	-	36.527.133.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.206.058.989	85.005.000.000	-	302.211.058.989
	<b>253.733.192.421</b>	<b>85.005.000.000</b>	-	<b>338.738.192.421</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	666.319.713.911	26.000.000.000	-	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	194.444.298.251	4.902.360.000	38.000.000.000	237.346.658.251
Chi phí phải trả	2.200.449.316	-	-	2.200.449.316
	<b>862.964.461.478</b>	<b>30.902.360.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>931.866.821.478</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(609.231.269.057)</b>	<b>54.102.640.000</b>	<b>(38.000.000.000)</b>	<b>(593.128.629.057)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương, thù lao	8.917.340.000	4.183.500.000
Phụ cấp	342.641.600	228.118.800

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

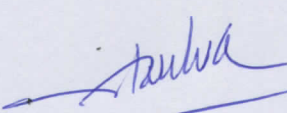
Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 978.134.235 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong kỳ đã bao gồm 1.113.208.742 đồng là số tiền lãi của kỳ trước đã trả trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong kỳ đã bao gồm 43.348.081.600 đồng là số tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong kỳ trước đã được thanh toán trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng cần được điều chỉnh trên phần tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định.

Thu nhập lãi tiền gửi trong kỳ không bao gồm 23.161.736, là số lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ tiền gửi trong kỳ đã bao gồm 12.433.797 đồng là số tiền lãi của kỳ trước thu được trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm 4.097.984.745 đồng là số tiền cổ tức và lợi nhuận được chia của kỳ trước thu được trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

  
 Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

  
 Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng

  
 Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 8 năm 2017

